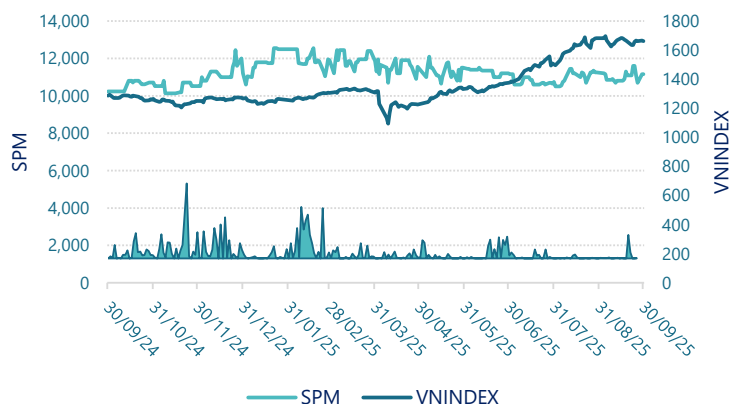


CTCP S.P.M (HSX: SPM)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	11,150
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,550
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,131
SL cổ phiếu LH	13,770,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,850
% sở hữu nước ngoài	2.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	154
P/E	8.3
EPS	1,340

DT thuần

Q3/25

57.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▼7.90| -12.1%

YoY: ▼16.0| -21.7%

LN sau thuế

Q3/25

5.07

tỷ VNĐ

QoQ: ▲5.00| 7141%

YoY: ▲3.85| 315%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

13.9%

+/- YoY: ▲9.4%

DT thuần

9T 2025

206

tỷ VNĐ

YoY: ▼19.0| -8.4%

LN sau thuế

9T 2025

8.28

tỷ VNĐ

YoY: ▲12.1| 315%

ROE

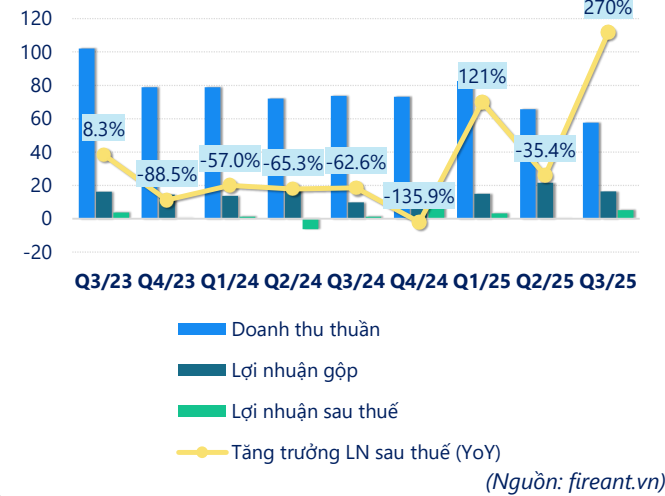
Q3/25

2.3%

+/- YoY: ▲2.7%

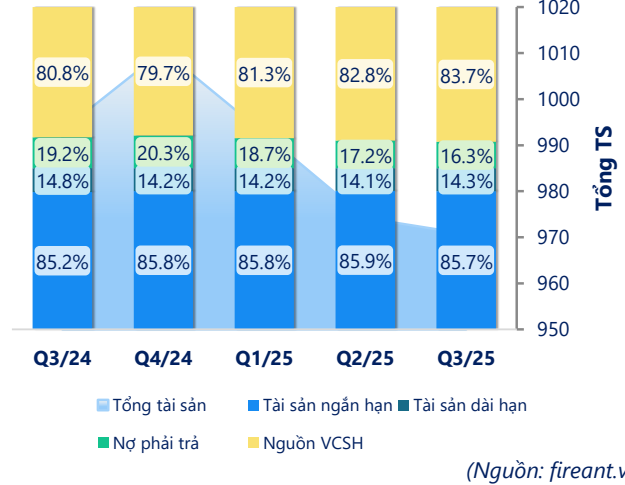
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

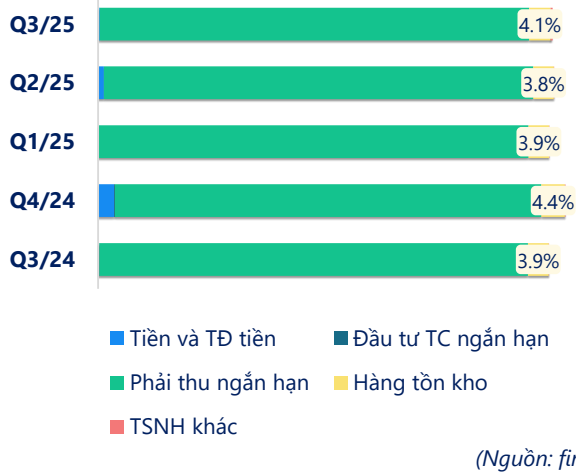


Cơ cấu Tổng tài sản

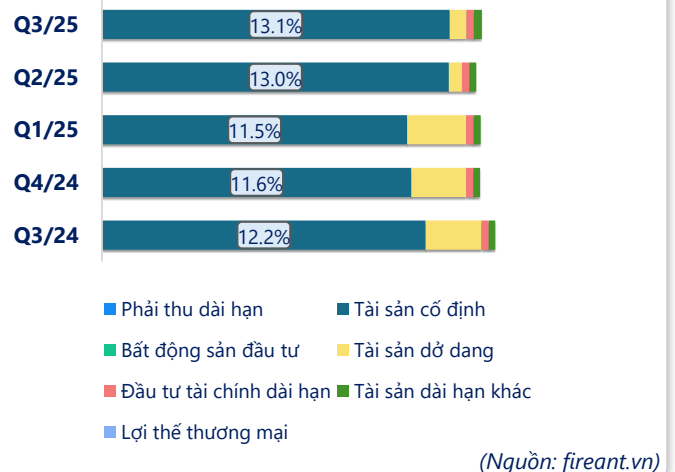
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

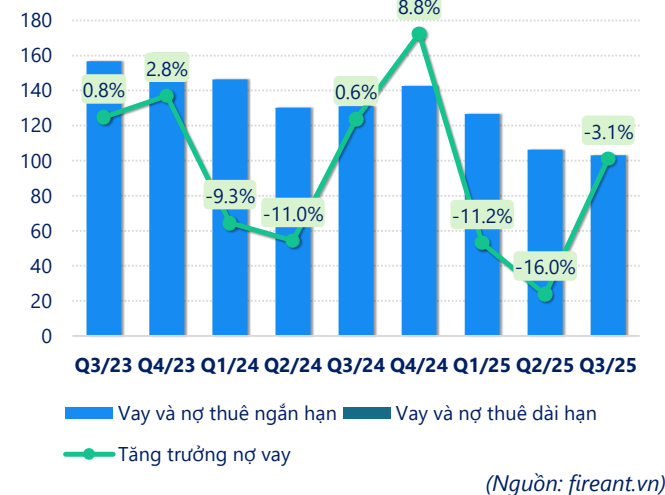


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



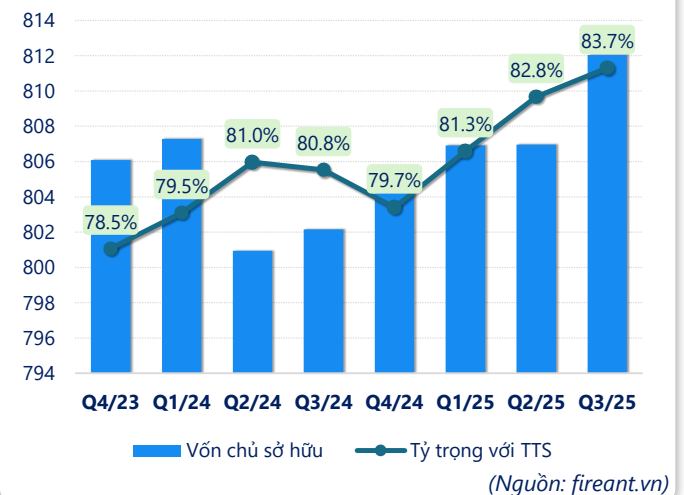
tỷ VNĐ

Nợ vay

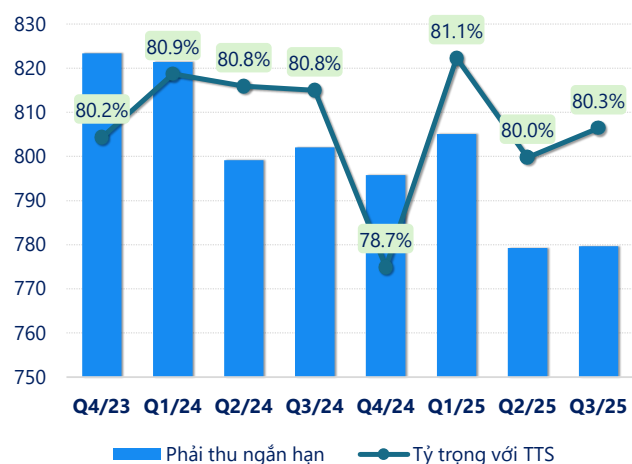


tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

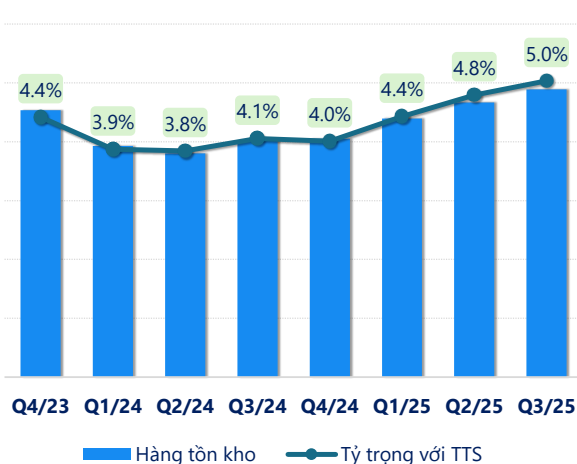


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


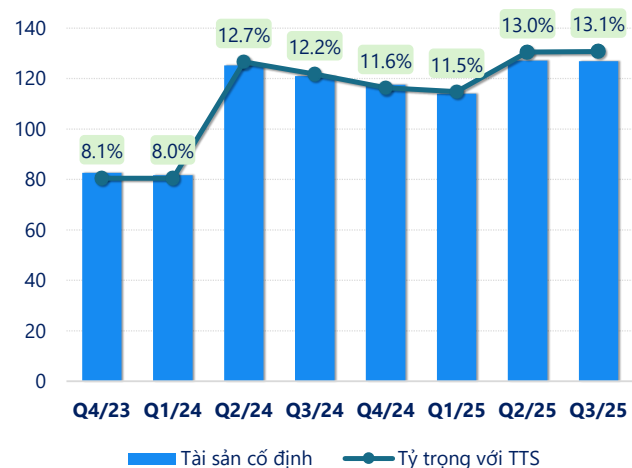
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


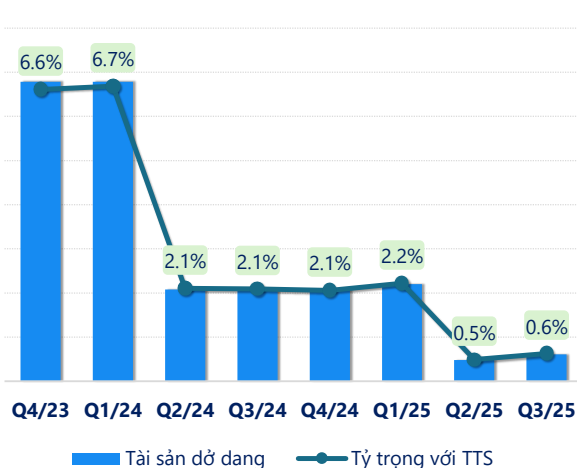
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

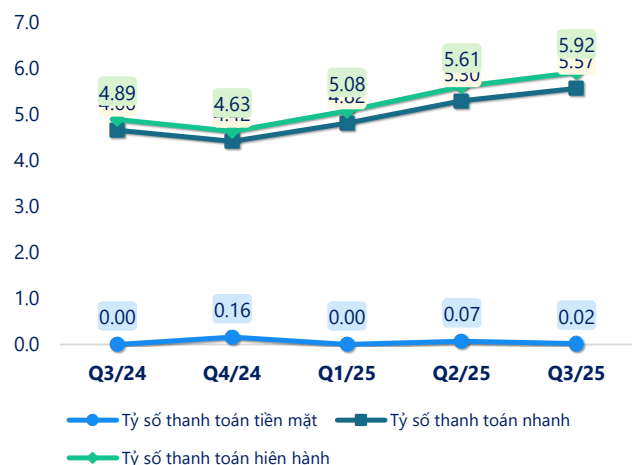
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

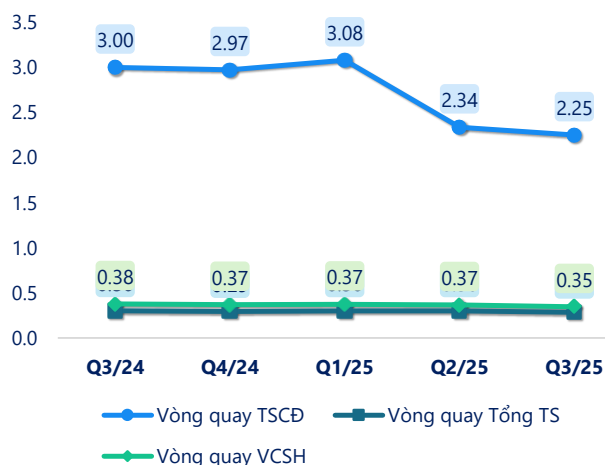
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	993	1,011	993	974	971
Tài sản ngắn hạn	846	867	851	837	832
Tiền và tương đương tiền	0.41	30.1	0.38	10.5	3.16
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	802	796	805	779	780
Hàng tồn kho	40.3	40.5	43.9	46.7	48.9
Tài sản ngắn hạn khác	3.55	0.47	1.68	0.65	0.31
Tài sản dài hạn	147	144	141	137	139
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	121	118	114	127	127
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	20.8	20.8	22.0	4.79	6.10
Đầu tư tài chính dài hạn	2.75	2.75	2.75	2.75	2.75
Tài sản dài hạn khác	2.48	2.59	2.69	2.46	2.92
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	191	205	186	167	159
Nợ ngắn hạn	173	187	168	149	141
Vay và nợ thuê ngắn hạn	131	143	127	106	103
Phải trả người bán ngắn hạn	22.6	25.9	23.2	23.1	16.9
Nợ dài hạn	18.0	18.0	18.0	18.0	18.0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	802	805	807	807	812
Vốn chủ sở hữu	802	805	807	807	812
Vốn điều lệ	140	140	140	140	140
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)